

Bản án số 390/2023/HS-PT

Ngày 27/5/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tự Học;

Các Thẩm phán: Ông Ông Nguyễn Vũ Đông;
Ông Mai Anh Tài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Ly, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 27 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 1066/2021/TLPT-HS ngày 25 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo Dương Thị Kim L, do có kháng cáo của bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2021/HS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

*** Bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:**

Họ và tên: **Dương Thị Kim L**, sinh năm 1963; giới tính: Nữ; nơi cư trú: khu Đồng Th, xã Quảng Y, huyện Thanh B, tỉnh Phú Thọ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 10/10; nghề nghiệp: Chủ hộ kinh doanh cá thể; con ông Dương Văn T (đã chết) và bà Hoàng Thị Đ; có chồng là Nguyễn Văn Th1 và có 02 con, con lớn sinh năm 1985, con nhỏ sinh năm 1989; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo Dương Thị Kim L:** Luật sư Đỗ Thị Hương Gi và luật sư Nguyễn Thanh T1 - Công ty Luật TNHH Tường M, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: số 3 Mạc Thái Tổ, phường Y Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội; luật sư Gi có mặt, luật sư T1 vắng mặt.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:**

1. Anh Nguyễn Thế A, sinh năm 1985; địa chỉ: khu Đồng Th, xã Quảng Y, huyện Thanh B, tỉnh Phú Thọ; có mặt.

2. Bà Nguyễn Mai L, sinh năm 1978; địa chỉ: Khu Mã Thượng A, thị trấn Phong Ch, huyện Phù N, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không kháng cáo:**

1. Chi Cục thuế khu vực Thanh B - Hạ Hoà; địa chỉ: Khu 6, thị trấn Thanh B, huyện Thanh B, tỉnh Phú Thọ; *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Hoàng Văn V và ông Lâm Quang Đ1 - Cán bộ; đều vắng mặt.

2. Cục thuế tỉnh Phú Thọ; địa chỉ: đường Nguyễn Tất Thành, xã Trung Vương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ; *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Duy H - Cục trưởng; có đơn xin không tham gia phiên tòa.

3. Công ty TNHH Lâm Sản Đại Ng; địa chỉ: số 14/11/224 Đường An Đ2, phường Đằng Gi1, quận Ngô Q, thành phố Hải Phòng; *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Đoàn Ngọc H1 - Giám đốc; vắng mặt.

4. Công ty cổ phần Thuận Đ3; địa chỉ: Khu phố, xã Tây Cốc, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ; *Người đại diện theo pháp luật:* Bà Đoàn Thị H2 - Giám đốc; vắng mặt.

5. Ông Nguyễn Minh T2, sinh năm 1983; địa chỉ: khu Tầm Vông, thị trấn Phong Ch, huyện Phù N, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt.

*** Người làm chứng:**

1. Anh Lê Văn S, sinh năm 1987; địa chỉ: khu Đồng Th, xã Quảng Y, huyện Thanh B, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt.

2. Ông Chu Cao Đ4 - Nguyên trưởng phòng thanh tra - Kiểm tra số 1 Cục thuế tỉnh Phú Thọ - Giám định viên thuế, thực hiện giám định tư pháp trong lĩnh vực thuế; địa chỉ: phường Gia Cẩm, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ; có đơn không tham gia phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hộ kinh doanh cá thể Dương Thị Kim L (gọi tắt là HKD Dương Thị Kim L) hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Hộ kinh doanh cá thể, đăng ký kê khai nộp thuế tại Chi cục thuế huyện Thanh B (nay là Chi cục thuế khu vực Thanh B - Hạ Hòa), MST: 2600 718 533; Hình thức kê khai nộp thuế theo phương pháp khoán; Hộ kinh doanh không sử dụng hóa đơn của cơ quan thuế, đăng ký lần đầu ngày 11/9/2009, đăng ký thay đổi lần 02 ngày 23/9/2019; địa chỉ: khu 07, xã Năng Yên (nay là khu Đồng Th, xã Quảng Y), huyện Thanh B, tỉnh Phú Thọ; Vốn kinh doanh: 2.000.000.000 đồng; ngành nghề kinh doanh chính: cửa, xe, bào gỗ; người đại diện theo pháp luật là bà Dương Thị Kim L, sinh năm 1963, chức danh: Chủ hộ; số CMND 130627090 cấp ngày 08/10/2012, nơi cấp: Công an tỉnh Phú Thọ; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khu Đồng Th, xã Quảng Y, huyện Thanh B, tỉnh Phú Thọ. HKD Dương Thị Kim L hoạt động

sản xuất, kinh doanh dăm mảnh gỗ làm nguyên liệu giấy dưới hình thức: HKD thu mua cành cây, thân cây, tấm bấp sẻ gỗ của các hộ dân trên địa bàn huyện Thanh B chở đến bán tại xưởng của HKD thuộc khu Đồng Th, xã Quảng Y, huyện Thanh B, tỉnh Phú Thọ. Tại xưởng, HKD sử dụng nhân công lao động kết hợp với máy băm dăm thực hiện sản xuất thành dăm mảnh gỗ. Ngoài ra HKD còn mua thương mại dăm gỗ thành phẩm của các cá nhân khác chở đến bán tại xưởng sau đó xuất bán ra thị trường.

Trong thời gian từ tháng 4/2018 đến hết tháng 3/2019, HKD Dương Thị Kim L đã thực hiện sản xuất và mua thương mại để bán cho bà Nguyễn Mai L, sinh năm 1978, trú tại thị trấn Phong Ch, huyện Phù N, tỉnh Phú Thọ 18.148,238 tấn dăm mảnh gỗ để bà L nhập vào Tổng công ty Giấy Việt Nam, địa chỉ: thị trấn Phong Ch, huyện Phù N, tỉnh Phú Thọ cho Công ty TNHH Lâm Sản Đại Ng, trụ sở: đường An Đ2, phường Đằng Gi1, quận Ngô Q, thành phố Hải Phòng và Công ty cổ phần Thuận Đ3, trụ sở: xã Tây Cốc, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ. Toàn bộ số lượng dăm mảnh gỗ bán cho bà L, HKD Dương Thị Kim L không theo dõi, ghi chép sổ sách không trung thực doanh thu tính thuế với Chi cục thuế huyện Thanh B. Cụ thể: Đầu năm 2018, bà L đã trực tiếp liên hệ với Dương Thị Kim L - Chủ HKD để mua dăm mảnh gỗ nhưng không ký hợp đồng mua bán, không yêu cầu HKD Dương Thị Kim L xuất hoá đơn, giá thu mua là 1.000.000 đồng/tấn. Địa điểm giao nhận hàng tại kho của Tổng Công ty giấy Việt Nam. Ngoài dăm mảnh tự sản xuất được HKD Dương Thị Kim L còn thực hiện thu mua thêm dăm mảnh của các đơn vị, cá nhân khác để cung cấp cho bà L. HKD Dương Thị Kim L chỉ sử dụng 03 xe ô tô tải BKS 19C-119.07, 19C-102.60, 19C-106.29 để vận chuyển dăm mảnh từ xưởng sản xuất của HKD đến kho của Tổng công ty giấy Việt Nam giao cho bà L. Việc hộ kinh doanh vận chuyển dăm đi bán cho bà L, L giao cho anh Nguyễn Thế A, sinh năm 1985, trú tại khu Đồng Th, xã Quảng Y, huyện Thanh B, tỉnh Phú Thọ (là con trai ruột của L) và ông Lê Văn S, sinh năm 1987, trú tại xã Quảng Y, huyện Thanh B, tỉnh Phú Thọ thực hiện. Khi vận chuyển dăm mảnh đến kho của Tổng Công ty giấy Việt Nam, anh Thế A, ông S liên hệ với bà L lấy thông tin đơn vị giao hàng cho Tổng Công ty giấy Việt Nam là Công ty cổ phần Thuận Đ3 hay Công ty TNHH lâm sản Đại Ng sau đó cung cấp cho nhân viên phòng vật tư của Tổng công ty giấy Việt Nam viết phiếu giao nhận nguyên liệu. Sau khi xuống hàng, anh Thế A, ông S mang phiếu cân thể hiện khối lượng các chuyến dăm về đưa cho L để làm cơ sở đối chiếu thanh toán tiền hàng. Trong thời gian từ tháng 4/2018 đến hết tháng 3/2019, HKD Dương Thị Kim L đã bán cho bà L tổng số 18.148,238 tấn dăm mảnh gỗ (trong đó HKD sản xuất: 5.303 tấn còn lại 12.845,238 tấn do HKD mua thương mại của các đơn vị, cá nhân trên địa bàn tỉnh Phú Thọ) thu được số tiền là 18.148.238.000 đồng. Bà L đã chuyển khoản thanh toán số tiền 2.611.400.000 đồng tiền mua dăm mảnh vào tài khoản cá nhân số 104000907164 của anh Nguyễn Thế A mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần

công thương Việt Nam - Chi nhánh tại thị xã Phú Thọ vào 40 lần khác nhau (thể hiện trên 40 giấy báo có), số tiền 15.536.838.000 đồng còn lại bà L đã thanh toán bằng tiền mặt cho anh Thế A vào nhiều lần khác nhau. Toàn bộ số tiền hàng bà L thanh toán cho HKD Dương Thị Kim L đều được anh Thế A chuyển lại bằng tiền mặt cho L.

Như vậy, việc làm của chủ HKD Dương Thị Kim L đã vi phạm pháp luật về quản lý thuế đã được cơ quan chuyên môn giám định kết luận là hành vi trốn thuế là có cơ sở theo Điều 7 Luật quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006; điểm b khoản 2 Điều 16 Quyết định số 169/2000/QĐ-BTC ngày 25/10/2000 của Bộ Tài chính về ban hành chế độ kế toán hộ kinh doanh.

Với mục đích để trốn tiền thuế GTGT và thuế TNCN phải nộp cho nhà nước, Dương Thị Kim L đã không mở sổ kế toán và không ghi chép theo dõi hoạt động kinh doanh, kê khai không đầy đủ doanh thu trên tờ khai số tiền 18.148.238.000 đồng từ việc bán 18.148,238 tấn dăm mảnh gỗ cho bà L với cơ quan thuế để làm cơ sở xác định đúng doanh thu và mức thuế khoán phải nộp, doanh thu và mức thuế khoán rất thấp so với thực tế phát sinh.

Dương Thị Kim L khai nhận: Trong thời gian từ tháng 4/2018 đến hết tháng 3/2019, Dương Thị Kim L là người chịu trách nhiệm chỉ đạo, điều hành toàn bộ các hoạt động sản xuất, kinh doanh của HKD Dương Thị Kim L đồng thời là người trực tiếp thoả thuận giao dịch mua, bán dăm mảnh với bà Nguyễn Mai L. HKD Dương Thị Kim L đã sử dụng 03 xe ô tô tải BKS 19C-119.07, 19C-102.60, 19C-106.29 để chở dăm mảnh từ xưởng sản xuất của HKD đến kho của Tổng Công ty giấy Việt Nam giao cho bà L. Nhưng đến nay L không xác định được chính xác tổng số lượng dăm mảnh mà HKD Dương Thị Kim L bán cho bà L là bao nhiêu.

Quá trình điều tra xác định: HKD Dương Thị Kim L đã sử dụng 03 xe ô tô tải BKS 19C-119.07, 19C-102.60, 19C-106.29 để vận chuyển dăm mảnh từ xưởng sản xuất của HKD đến kho của Tổng công ty giấy Việt Nam bán cho Nguyễn Mai L. Quá trình đối chiếu các phiếu cân tải do Cơ quan CSĐT thu thập được tại Tổng công ty giấy Việt Nam xác định số lượng dăm mảnh HKD Dương Thị Kim L bán cho bà L là 18.148,238 tấn. Trong đó HKD Dương Thị Kim L tự sản xuất là 5.303 tấn, còn lại số lượng 12.845,238 tấn L khai nhận một phần do L mua về sau đó bán lại cho bà L để kiếm lời, một phần là hàng do L vận chuyển thuê cho người khác. Tuy nhiên L không chứng minh được vận chuyển thuê cho ai, ở đâu, giá cước vận chuyển là bao nhiêu. Bà Nguyễn Mai L khẳng định chỉ mua hàng, thanh toán tiền cho L mà không thuê vận chuyển. Do đó, việc L khai vận chuyển thuê là không có căn cứ nên cơ quan điều tra xác định số lượng 12.845,238 tấn là do HKD Dương Thị Kim L mua về bán cho bà L.

Dương Thị Kim L thừa nhận HKD Dương Thị Kim L không lập sổ sách kế toán để theo dõi hoạt động mua, bán hàng là sai, vi phạm chế độ kế toán đối với

hộ kinh doanh. Nguyên nhân không lập sổ kế toán theo L khai, L không được cơ quan thuế hướng dẫn thực hiện. Bản thân L cũng không biết, không nghiên cứu về quy định chế độ kế toán đối với hộ kinh doanh, không biết là hộ kinh doanh phải lập sổ kế toán.

Quá trình điều tra xác định: Việc L khai HKD Dương Thị Kim L không lập sổ kế toán do quy mô sản xuất kinh doanh là hộ gia đình nhỏ là không đúng sự thật. Kết quả xác minh xác định doanh thu của HKD Dương Thị Kim L trong thời gian từ tháng 4/2018 đến tháng 3/2019 là 18.148.238.000 đồng. Bản thân L trước đây đã từng là kế toán Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Năng Y, huyện Thanh B, tỉnh Phú Thọ; Đại biểu HĐND xã Năng Y và hiện nay là Chủ hộ HKD Dương Thị Kim L, L là người có hiểu biết pháp luật về kế toán, nhận thức được mình là cá nhân có nghĩa vụ nộp thuế và phải thực hiện theo chế độ kế toán. Việc L khai chưa biết, chưa nghiên cứu các văn bản pháp luật đã có hiệu lực từ trước là không thỏa đáng, không đúng sự thật.

Sau khi bị khởi tố điều tra, Dương Thị Kim L đã tự nghiên cứu các quy định như: Luật quản lý thuế năm 2006, Thông tư số 92/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính, Quyết định số 169-2000/QĐ-BTC của Bộ Tài chính, Quyết định số 131/2002/QĐ-BTC của Bộ Tài chính ban hành, sửa đổi chế độ kế toán hộ kinh doanh... và cho rằng, HKD Dương Thị Kim L thuộc trường hợp: “Cá nhân kinh doanh không xác định được doanh thu khoán, không nộp hồ sơ khai thuế hoặc doanh thu tính thuế khoán xác định không phù hợp với thực tế kinh doanh thì cơ quan thuế có thẩm quyền ấn định doanh thu tính thuế khoán theo quy định của pháp luật về quản lý thuế...”. Hàng năm, cán bộ thuế chuyên quản đối với HKD Dương Thị Kim L chỉ thông báo cho L biết về số tiền thuế hàng tháng phải nộp, ấn định thuế khoán theo tháng. L không được nhận tờ khai thuế đối với cá nhân kinh doanh theo mẫu số 01/CNKD nên không biết về mức doanh thu, tỷ lệ thuế GTGT, TNCN.

Quá trình điều tra xác định: HKD Dương Thị Kim L thuộc trường hợp: “Cá nhân nộp thuế khoán tự xác định doanh thu tính thuế khoán trong năm để làm cơ sở xác định số thuế phải nộp trên tờ khai mẫu số 01/CNKD...”, không thuộc trường hợp như L đã tự nhận như trên. Thời gian cuối năm 2017, ông Hoàng Văn V là cán bộ thuế đã phát Tờ khai mẫu số 01/CNKD (của kỳ tính thuế năm 2018) nhưng không trực tiếp do L ký nhận nên L phủ nhận việc này. Tuy nhiên cuối năm 2018, ông Lâm Quang Đ1 là cán bộ thuế đã phát Tờ khai thuế mẫu số 01/CNKD (của kỳ tính thuế năm 2019) cho L trực tiếp ký nhận vào tờ khai và danh sách phát tờ khai.

Việc cán bộ Chi cục thuế huyện Thanh B có phát tờ khai thuế cho HKD Dương Thị Kim L là có cơ sở vì: Cơ quan điều tra đã ghi lời khai các hộ ký nhận tờ khai trong danh sách xác nhận vào thời điểm cuối năm 2018, khi ký nhận tờ khai thuế thì L đã ký nhận trước trong danh sách này. Mặt khác xác

minh tại Chi cục thuế huyện Thanh B xác định: Trên hệ thống TMS của cơ quan thuế, xác định nghĩa vụ thuế mà HKD Dương Thị Kim L phải thực hiện theo phương pháp khoán. Để có thông tin cập nhật về sự thay đổi mức thuế khoán lên hệ thống phải có Tờ khai mẫu số 01/CNKD. Trong nội dung tờ khai được nhận, L đã tự kê khai xác định về doanh thu, tỷ lệ thuế GTGT, TNCN và mức thuế phải nộp.

L cho rằng HKD Dương Thị Kim L chỉ thực hiện việc sơ chế ra dăm mảnh do vậy thuộc diện được miễn thuế.

Quá trình điều tra xác định: HKD Dương Thị Kim L thu mua nguyên liệu là sản phẩm sản xuất lâm nghiệp, sản phẩm trồng trọt (cành, ngọn cây....) của các hộ dân trực tiếp sản xuất sau đó sử dụng máy móc, thiết bị sản xuất thành dăm mảnh bán cho bà Nguyễn Mai L. Nguyên liệu HKD Dương Thị Kim L sử dụng để sản xuất dăm mảnh bán cho bà L không phải do hộ kinh doanh Dương Thị Kim L trực tiếp sản xuất, trồng rừng mà có. Đối chiếu quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật thuế GTGT thì HKD Dương Thị Kim L không thuộc trường hợp không chịu thuế GTGT; đối chiếu điểm e khoản 1 Điều 3 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật thuế TNCN thì HKD Dương Thị Kim L không thuộc trường hợp thu nhập được miễn thuế.

Quá trình xác minh đối với Công ty cổ phần Thuận Đ3 xác định: Công ty cổ phần Thuận Đ3 hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số thuế: 2600705929 đăng ký lần đầu ngày 29/11/2010, địa chỉ: xã Tây Cốc, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng, ngành nghề kinh doanh chính: Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, người đại diện theo pháp luật là bà Đoàn Thị H2, sinh năm 1975, chức danh: giám đốc; số CMND 131083915 cấp ngày 19/10/2019, nơi cấp: Công an tỉnh Phú Thọ, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xã Tây Cốc, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ.

Trong thời gian từ tháng 4/2018 đến tháng 3/2019, Công ty cổ phần Thuận Đ3 đã thuê ông Trần Minh T2, trú tại thị trấn Phong Ch, huyện Phù N, tỉnh Phú Thọ đứng ra thu mua dăm mảnh của các doanh nghiệp, cá nhân trên địa bàn tỉnh Phú Thọ (trong đó có HKD Dương Thị Kim L) để nhập bán cho Tổng Công ty giấy Việt Nam nhưng không yêu cầu xuất hóa đơn GTGT. Sau đó ông T2 đã thuê bà Nguyễn Mai L thu mua của HKD Dương Thị Kim L 11.935,212 tấn dăm mảnh với giá 1.000.000đ/tấn để cung cấp cho Công ty cổ phần Thuận Đ3 nhập vào Tổng công ty giấy Việt Nam. Công ty cổ phần Thuận Đ3 đã chuyển khoản số tiền 11.955.000.000 đồng vào tài khoản cá nhân của ông T2 (thể hiện trên 22 giấy báo có) để ông T2 thanh toán cho các đơn vị, cá nhân mà ông T2 mua dăm mảnh. Khi thuê ông T2 mua dăm mảnh Công ty cổ phần Thuận Đ3 không yêu cầu ông T2 yêu cầu các đơn vị bán hàng xuất hoá đơn GTGT. Theo Công ty

trình bày do Công ty hoạt động trong nhiều lĩnh vực, hàng hoá dịch vụ mua vào đã kê khai nhiều hơn hàng hoá dịch vụ bán ra nên không cần hoá đơn khi mua hàng. Toàn bộ khối lượng dăm mảnh của HKD Dương Thị Kim L nêu trên được Công ty cổ phần Thuận Đ3 bán lại cho Tổng công ty giấy Việt Nam. Số tiền thu được Công ty cổ phần Thuận Đ3 hạch toán, kê khai, nộp thuế tại Chi cục thuế huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ.

Quá trình làm việc với Công ty TNHH lâm sản Đại Ng xác định: Công ty TNHH lâm sản Đại Ng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0201318931 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 06/11/2013, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 23/01/2019; địa chỉ: đường An Đ2, phường Đằng Gi1, quận Ngô Q, thành phố Hải Phòng, vốn điều lệ: 10.000.000.000đồng, ngành nghề kinh doanh chính: Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, người đại diện theo pháp luật là ông Đoàn Ngọc Hướng, sinh năm 1985 chức danh: giám đốc; số CCCD 031085000909 cấp ngày 12/4/2016, nơi cấp: Cục CCSĐKQL cư trú và DLQG về dân cư, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xóm 7, xã Hòa Bình, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Trong thời gian từ tháng 4/2018 đến tháng 3/2019, Công ty TNHH lâm sản Đại Ng đã thuê ông Trần Minh T2, trú tại thị trấn Phong Ch, huyện Phù N, tỉnh Phú Thọ đứng ra thu mua dăm mảnh của các doanh nghiệp, cá nhân trên địa bàn tỉnh Phú Thọ (trong đó có HKD Dương Thị Kim L) để nhập bán cho Tổng Công ty giấy Việt Nam nhưng không yêu cầu xuất hóa đơn GTGT. Sau đó ông T2 đã thuê bà Nguyễn Mai L thu mua của HKD Dương Thị Kim L 6.213,026 tấn dăm mảnh với giá 1.000.000đ/tấn để cung cấp cho Công ty TNHH lâm sản Đại Ng nhập vào Tổng công ty giấy Việt Nam. Công ty TNHH lâm sản Đại Ng đã chuyển khoản số tiền 6.300.000.000 đồng vào tài khoản cá nhân của ông T2 (thể hiện trên 5 giấy báo có) để ông T2 thanh toán cho các đơn vị, cá nhân ông T2 mua dăm mảnh. Khi thuê ông T2 mua dăm mảnh Công ty TNHH lâm sản Đại Ng không yêu cầu ông T2 yêu cầu các đơn vị bán hàng xuất hoá đơn GTGT.

Theo Công ty trình bày do Công ty hoạt động trong nhiều lĩnh vực, hàng hoá dịch vụ mua vào đã kê khai nhiều hơn hàng hoá dịch vụ bán ra nên không cần hoá đơn khi mua hàng. Toàn bộ khối lượng dăm mảnh của HKD Dương Thị Kim L nêu trên được Công ty TNHH lâm sản Đại Ng bán lại cho Tổng công ty giấy Việt Nam. Số tiền thu được Công ty TNHH lâm sản Đại Ng hạch toán, kê khai, nộp thuế tại Chi cục thuế quận Ngô Q, thành phố Hải Phòng.

Ông Trần Minh T2 khai: Ông T2 là người được Công ty TNHH lâm sản Đại Ng và Công ty cổ phần Thuận Đ3 thuê đứng ra thu mua dăm mảnh của các đơn vị, cá nhân trên địa bàn tỉnh Phú Thọ để 02 Công ty này nhập bán cho Tổng Công ty giấy Việt Nam tại thị trấn Phong Ch, huyện Phù N, tỉnh Phú Thọ. Công ty TNHH lâm sản Đại Ng và Công ty cổ phần Thuận Đ3 trả cho ông T2 số tiền

5.000đ/tấn dăm mảnh thu mua được. Sau đó, ông T2 đã thuê bà Nguyễn Mai L thực hiện mua dăm mảnh của HKD Dương Thị Kim L để cung cấp cho Công ty TNHH lâm sản Đại Ng và Công ty cổ phần Thuận Đ3. Giá thu mua dăm mảnh là 1.000.000đ/tấn.

Từ tháng 4/2018 đến hết tháng 3/2019, ông T2 đã thuê bà L mua của HKD Dương Thị Kim L 18.148,238 tấn dăm mảnh gỗ (trong đó mua cho Công ty TNHH lâm sản Đại Ng 6.213,026 tấn và mua cho Công ty cổ phần Thuận Đ3 11.935,212 tấn). Sau khi Công ty TNHH lâm sản Đại Ng và Công ty cổ phần Thuận Đ3 chuyển tiền mua dăm mảnh vào tài khoản cá nhân của ông T2, ông T2 đã chuyển số tiền này đến tài khoản cá nhân của bà L để thanh toán tiền dăm mảnh bà L đã mua của HKD Dương Thị Kim L.

Bà Nguyễn Mai L khai: Đầu năm 2018, bà L được ông Trần Minh T2, sinh năm 1983, HKTT: thị trấn Phong Ch, huyện Phù N, tỉnh Phú Thọ thuê thu mua dăm mảnh để nhập bán vào Tổng Công ty Giấy Việt Nam cho Công ty TNHH Lâm Sản Đại Ng và Công ty cổ phần Thuận Đ3. Mỗi tấn dăm mảnh thu mua được Trần Minh T2 trả cho bà L số tiền 2.000 đồng.

Trong thời gian từ tháng 04/2018 đến hết tháng 3/2019, bà L đã thu mua của HKD Dương Thị Kim L 18.148,238 tấn dăm mảnh với giá 1.000.000đ/tấn để cung cấp cho Công ty TNHH lâm sản Đại Ng và Công ty cổ phần Thuận Đ3. Sau khi được ông T2 chuyển khoản thanh toán tiền mua dăm mảnh vào tài khoản cá nhân số 42410000010743 mở tại Ngân hàng BIDV Chi nhánh Phú Thọ và số 103868527382 mở tại Ngân hàng Vietinbank Chi nhánh Đền Hùng tổng số tiền 18.428.050.000 đồng vào 67 lần, thể hiện ở 67 giấy báo có (trong đó: Thanh toán tiền mua 18.148,238 tấn dăm mảnh gỗ số tiền 18.148.238.000 đồng, tiền thừa chuyển thanh toán lần sau: 279.812.000 đồng). Sau đó bà L đã chuyển vào tài khoản cá nhân số 104000907164 của anh Nguyễn Thế A (con trai bà L) mở tại Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam Chi nhánh thị xã Phú Thọ số tiền 2.611.400.000 đồng vào 40 lần khác nhau (thể hiện trên 40 giấy báo có), số tiền 15.536.838.000 đồng còn lại bà L đã thanh toán bằng tiền mặt cho anh Thế A vào nhiều lần khác nhau (nhưng không có giấy giao nhận) để anh Thế A chuyển lại cho L.

Ông Hoàng Văn V - cán bộ Đội thuế liên xã Ninh Dân khai: Ông V là người được phân công nhiệm vụ quản lý thu thuế đối với HKD cá thể Dương Thị Kim L ở kỳ tính thuế năm 2018. Cuối năm 2017, ông V trực tiếp đến tại HKD để phát tờ khai thuế đối với cá nhân kinh doanh. Tại HKD Dương Thị Kim L ông V gặp ông Nguyễn Văn Thà (chồng L) và anh Nguyễn Thế A (con trai L). Ông V được cung cấp thông tin doanh thu của hộ kinh doanh không có thay đổi gì so với năm 2017. Do thời gian đã lâu nên ông V không xác định được ông Thà hay anh Thế A là người đã cung cấp các thông tin của HKD Dương Thị Kim L, doanh thu, mức thuế GTGT, thuế TNCN phát sinh trong

tháng để ông V ghi trên tờ khai, không xác định được ai là người đã ký thay bà Dương Thị Kim L tại mục người nộp thuế trên tờ khai). Ông V có yêu cầu hộ kinh doanh xuất trình sổ kế toán theo dõi hoạt động mua bán hàng của hộ nhưng hộ kinh doanh báo cáo không mở sổ kế toán. Căn cứ thông tin thể hiện trên tờ khai thuế, Chi cục thuế huyện Thanh B đưa ra dự kiến doanh thu đối với HKD Dương Thị Kim L năm 2018 là 104.004.000đ/năm (8.667.000đ/tháng), mức thuế khoán dự kiến là 390.000đ/tháng (trong đó thuế GTGT là 260.000đ/tháng, thuế TNCN là 130.000đ/tháng). Sau đó ông V thực hiện niêm yết công khai doanh thu, mức thuế khoán dự kiến của kỳ tính năm 2018 đồng thời lấy ý kiến của Hội đồng tư vấn thuế xã Năng Y đối với doanh thu, mức thuế khoán của HKD Dương Thị Kim L thì không nhận được ý kiến phản hồi nào từ HKD Dương Thị Kim L hay ai khác. Ông V cũng trực tiếp thông báo về doanh thu, mức thuế khoán năm 2018 cho L. Chi cục thuế huyện Thanh B đã thực hiện ổn định mức thuế khoán của HKD Dương Thị Kim L là 390.000đ/tháng (trong đó thuế GTGT là 260.000đ/tháng, thuế TNCN là 130.000đ/tháng) và tiến hành thu thuế theo quy định. Trong quá trình nộp thuế HKD Dương Thị Kim L cũng không có ý kiến phản hồi gì về doanh thu và mức thuế khoán do Chi cục thuế huyện Thanh B thông báo.

Ông Lâm Quang Đăng - cán bộ Đội thuế liên xã Ninh Dân khai: Ông Đăng là người được phân công nhiệm vụ quản lý thu thuế đối với HKD cá thể Dương Thị Kim L ở kỳ tính thuế năm 2019. Cuối năm 2018, ông Đăng trực tiếp đến tại HKD để phát tờ khai thuế đối với cá nhân kinh doanh của kỳ tính thuế năm 2019. Tại HKD Dương Thị Kim L, ông Đăng được bà L cung cấp các thông tin về doanh thu, mức thuế khoán để ông Đăng điền vào tờ khai thuế sau đó cho bà L ký xác nhận vào mục người nộp thuế trên tờ khai. Bà L có điều chỉnh doanh thu ổn định của năm 2019 là 120.000.000đ/năm (10.000.000đ/tháng). Ông Đăng có yêu cầu hộ kinh doanh xuất trình sổ kế toán theo dõi hoạt động mua, bán hàng bà L báo cáo HKD Dương Thị Kim L sản xuất, kinh doanh theo quy mô hộ kinh doanh nhỏ nên không mở sổ kế toán. Căn cứ thông tin thể hiện trên tờ khai thuế, Chi cục thuế huyện Thanh B đưa ra dự kiến doanh thu đối với HKD Dương Thị Kim L năm 2019 là 120.000.000đ/năm (10.000.000đ/tháng), mức thuế khoán dự kiến là 450.000đ/tháng (trong đó thuế GTGT là 300.000đ/tháng, thuế TNCN là 150.000đ/tháng). Sau đó, ông Đăng thực hiện niêm yết công khai doanh thu, mức thuế khoán dự kiến của kỳ tính năm 2019 đồng thời lấy ý kiến của Hội đồng tư vấn thuế xã Năng Y đối với doanh thu, mức thuế khoán của HKD Dương Thị Kim L thì không nhận được ý kiến phản hồi nào từ bà L. Chi cục thuế huyện Thanh B đã thực hiện ổn định mức thuế khoán của HKD Dương Thị Kim L như trên và tiến hành thu thuế theo quy định.

Xác minh tại Điện lực huyện Thanh B xác định: Số lượng điện năng tiêu thụ của HKD Dương Thị Kim L trong thời gian từ tháng 4/2018 đến tháng 3/2019 là 128.120kWh. Đối chiếu với công suất của các thiết bị máy móc, thiết bị phục vụ

việc sản xuất dăm mảnh của hộ kinh doanh gồm: 01 máy băm có công suất 75kw; 01 máy bóc vỏ công suất 33kw; 03 băng tải mỗi băng tải công suất 09kw, xác định với số lượng điện năng tiêu thụ như trên thì khối lượng dăm mảnh hộ kinh doanh Dương Thị Kim L sản xuất được tương ứng là 5.303 tấn.

Cơ quan điều tra đã tiến hành ghi lời khai các công nhân, lái xe trực tiếp làm việc tại HKD Dương Thị Kim L trong giai đoạn nêu trên xác định một năm hộ kinh doanh thực hiện việc sản xuất dăm mảnh trong 10 tháng, mỗi tháng làm việc trung bình 15 ngày, mỗi ngày làm việc khoảng 08 tiếng và sản xuất được từ 02 đến 03 xe dăm, mỗi xe dăm có khối lượng khoảng 20 tấn. Như vậy trong thời gian từ tháng 4/2018 đến tháng 03/2019 hộ kinh doanh Dương Thị Kim L sẽ sản xuất được khoảng 6.000 tấn dăm mảnh. L cũng xác nhận trong thời gian 3 giờ sẽ sản xuất được số lượng dăm mảnh khoảng 20 tấn.

Quá trình điều tra xác định: HKD Dương Thị Kim L thuộc trường hợp: “Cá nhân nộp thuế khoán tự xác định doanh thu tính thuế khoán trong năm để làm cơ sở xác định số thuế phải nộp trên tờ khai mẫu số 01/CNKD...”

Trong quá trình điều tra xác minh giai đoạn trước khi khởi tố vụ án, khởi tố bị can Cơ quan CSĐT xác định tổng doanh thu bán hàng không kê khai thuế nêu trên là do HKD Dương Thị Kim L tự sản xuất sau đó bán cho bà Nguyễn Mai L.

Ngày 08/10/2019, Cơ quan CSĐT đã ra quyết định Trưng cầu giám định về thuế đối với HKD Dương Thị Kim L.

Căn cứ tài liệu điều tra ban đầu xác định toàn bộ số hàng bán không kê khai nộp thuế nêu trên đều do HKD Dương Thị Kim L trực tiếp sản xuất nên Cục thuế tỉnh Phú Thọ đã áp mức thuế 4,5% (trong đó thuế GTGT là 3%, thuế TNCN là 1,5%) theo quy định tại Thông tư số 92/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 15/6/2015 hướng dẫn thực hiện thuế GTGT và thuế TNCN đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh... Do vậy ngày 16/10/2019, Cục thuế tỉnh Phú Thọ ra kết luận giám định xác định số tiền thuế HKD Dương Thị Kim L đã trốn là 810.640.710 đồng.

Sau khi khởi tố, quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT có đủ căn cứ xác định trong tổng số 18.148,238 tấn dăm mảnh nêu trên có 5.303 tấn do HKD Dương Thị Kim L tự sản xuất và 12.845,238 tấn HKD mua của các doanh nghiệp, cá nhân khác sau đó bán cho bà Nguyễn Mai L. Theo quy định tại Thông tư số 92/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 15/6/2015 hướng dẫn thực hiện thuế GTGT và thuế TNCN đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh..., thì mức thuế áp cho hàng sản xuất và hàng mua đi bán lại có sự khác nhau. Do vậy ngày 04/5/2020, Cơ quan CSĐT đã ra quyết định trưng cầu giám định bổ sung về thuế đối với HKD Dương Thị Kim L.

Ngày 04/5/2020, Cục thuế tỉnh Phú Thọ ra kết luận giám định xác định số tiền thiệt hại về thuế do hành vi trốn thuế của HKD Dương Thị Kim L là 425.283.570 đồng, cụ thể:

+ Về thuế GTGT:

- Số thuế GTGT phải nộp: 287.542.380 đồng.

Đối với dăm mảnh tự sản xuất: $5.303.000.000đ \times 3\% = 159.090.000$ đồng.

Đối với dăm mảnh kinh doanh thương mại: $12.845.238.000đ \times 1\% = 128.452.380$ đồng.

- Số thuế GTGT đã nộp: 4.020.000 đồng.

- Số thuế GTGT còn phải nộp: 283.522.380 đồng.

+ Về thuế TNCN:

Đối với dăm mảnh tự sản xuất: $5.303.000.000đ \times 1,5\% = 79.545.000$ đồng.

Đối với dăm mảnh kinh doanh thương mại: $12.845.238.000đ \times 0,5\% = 64.226.190$ đồng.

- Số thuế TNCN đã nộp: 2.010.000 đồng.

- Số thuế TNCN còn phải nộp: 141.761.190 đồng.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu thập các tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của Dương Thị Kim L như: giấy báo có thể hiện việc chuyển tiền giữa Công ty cổ phần Thuận Đ3 và Công ty TNHH lâm sản Đại Ng với ông Trần Minh T2; giấy báo có thể hiện việc chuyển tiền giữa ông T2 với bà Nguyễn Mai L; giấy báo có thể hiện việc chuyển tiền giữa bà L với anh Nguyễn Thế A; phiếu cân vật tư kèm chứng thư giám định khối lượng và chất lượng của Tổng công ty giấy Việt Nam thể hiện số lượng dăm mảnh HKD Dương Thị Kim L chở đến cho Công ty cổ phần Thuận Đ3 và Công ty TNHH lâm sản Đại Ng để nhập vào Tổng công ty giấy Việt Nam, các tài liệu thể hiện việc kê khai nộp thuế, lời khai các cá nhân liên quan như đã nêu trên. Là chủ hộ kinh doanh, nên hành vi của Dương Thị Kim L phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Trốn thuế”.

Cáo trạng số 75/CT-VKSPT-P2 ngày 03/11/2020 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ truy tố bị cáo Dương Thị Kim L về tội “Trốn thuế” theo điểm b khoản 2 Điều 200 Bộ luật hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2021/HS-ST ngày 28/4/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã quyết định: Căn cứ điểm b, đ khoản 1 Điều 200; điểm i khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Dương Thị Kim L 04 (bốn) tháng tù về tội “Trốn thuế”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Dương Thị Kim L.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; buộc bị cáo Dương Thị Kim L phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền trốn thuế là

227.246.385đ (Hai trăm hai mươi bảy triệu hai trăm bốn mươi sáu nghìn ba trăm tám mươi lăm đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/5/2021, bị cáo Dương Thị Kim L kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm và tuyên bị cáo không phạm tội “Trốn thuế” như quyết định của bản án sơ thẩm.

Ngày 12/5/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thế A kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, cho rằng bản án sơ thẩm không xem xét khách quan toàn diện nội dung vụ án.

Ngày 13/5/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Mai L kháng cáo bản án sơ thẩm, cho rằng bản án sơ thẩm không xem xét khách quan toàn diện nội dung vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Dương Thị Kim L vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm vì Tòa án cấp sơ thẩm xác định không đúng số tiền cho rằng bị cáo trốn thuế, trong khi tại phiên tòa sơ thẩm đại Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đã rút truy tố một phần đối với bị cáo.

Anh Nguyễn Thế A vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại.

Bà Nguyễn Mai L đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại vì bản án sơ thẩm đã xác định số tiền bị cáo L trốn thuế là chưa chính xác, số tiền bị cáo L trốn thuế sau khi đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm đã rút một phần truy tố chỉ còn 26.121.830 đồng chứ không phải số tiền 227.246.385 đồng như bản án sơ thẩm xác định.

Đại diện Viên kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm:

Hành vi của bị cáo Dương Thị Kim L đã xâm phạm đến trật tự quản lý Nhà nước trong lĩnh vực thuế. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, với cương vị Giám đốc một doanh nghiệp thì bị cáo buộc phải hiểu biết và tuân thủ pháp luật trong quản lý, điều hành hoạt động doanh nghiệp, trong đó có lĩnh vực thuế. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội phạm “Trốn thuế” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 200 Bộ luật hình sự năm 2015 và mức hình phạt 04 tháng tù đối với bị cáo là phù hợp. Do đó, việc bị cáo kháng cáo cho rằng không phạm tội “Trốn thuế” là không có căn cứ.

Việc bị cáo cho rằng cơ quan tố tụng cấp sơ thẩm đánh giá chứng cứ không khách quan, và giữa bị cáo và bà L có quan hệ vay mượn tiền để đáo hạn ngân hàng, thấy rằng: bị cáo không xuất trình hợp đồng vay nào giữa bà L và bị cáo.

Trong thời gian từ tháng 4/2018 đến hết tháng 3/2019, HKD Dương Thị Kim L đã thực hiện sản xuất và mua thương mại để bán cho bà L tổng số 18.148,238 tấn dăm mảnh gỗ (trong đó HKD sản xuất 5.303 tấn còn lại 12.845,238 tấn do HKD mua thương mại của các đơn vị, cá nhân trên địa bàn tỉnh Phú Thọ) với giá 1.000.000đ/tấn; thu được số tiền là 18.148.238.000 đồng, Bà L đã chuyển khoản thanh toán số tiền 2.611.400.000đ tiền mua dăm mảnh vào tài khoản cá nhân số 104000907164 của anh Nguyễn Thế A mở tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh tại thị xã Phú Thọ vào 40 lần khác nhau (thể hiện trên 40 giấy báo có), số tiền 15.536.838.000đ còn lại bà L đã thanh toán bằng tiền mặt cho anh Thế A vào nhiều lần khác nhau. Toàn bộ số tiền hàng bà L thanh toán cho HKD Dương Thị Kim L đều được anh Thế A chuyển lại bằng tiền mặt cho L.

Như vậy với số tiền bà L đã thanh toán cho HKD Dương Thị Kim L là 18.148.238.000 đồng với đơn giá với giá 1.000.000đ/tấn, đủ cơ sở xác định tổng số dăm gỗ HKD Dương Thị Kim L bán cho bà L là 18.148,238 tấn dăm mảnh gỗ.

Ngày 04/5/2020, Cục thuế tỉnh Phú Thọ ra bản kết luận giám định xác định số tiền thiệt hại về thuế do hành vi trốn thuế của HKD Dương Thị Kim L là: 425.283. 570 đồng là hoàn toàn chính xác và có căn cứ.

Việc đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tại phiên tòa sơ thẩm ngày 23/4/2021 có quan điểm rút một phần truy tố đối với Dương Thị Kim L với lý do: tính lại kỳ tính thuế để trừ khoản thuế từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/3/2019 và giảm doanh thu tính thuế của xe ô tô BKS 19C-10629 từ tháng 4 đến tháng 8/2018 là không có căn cứ, bởi lẽ:

- Hành vi trốn thuế của bị cáo Dương Thị Kim L diễn ra liên tục từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/3/2019, dẫn đến hậu quả số thuế trốn nộp là 425.283. 570đ, không liên quan đến kỳ tính thuế, do đó đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ rút truy tố 3 tháng theo kỳ tính thuế là xác định thiếu số thuế đã trốn và bỏ lọt hành vi phạm tội của bị cáo Dương Thị Kim L từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/3/2019.

- Lượng dăm gỗ bị cáo bán cho bà L đã trốn thuế được tính theo phương pháp số tiền bà L đã trả cho bị cáo : (chia) cho đơn giá 1 tấn dăm gỗ, cụ thể: 18.148.238.000 đồng (bị cáo đã nhận của bà L) : đơn giá 1.000.000đ/tấn dăm gỗ = 18.148,238 tấn dăm mảnh gỗ. Số lượng dăm gỗ này không phụ thuộc vào việc bị cáo dùng phương tiện gì để vận chuyển. Việc đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ rút truy tố với lượng dăm gỗ do xe ô tô BKS 19C-10629 chuyên chở từ tháng 4 đến tháng 8/2018 là không có căn cứ.

Việc Tòa án cấp sơ thẩm nhận định: Dương Thị Kim L được miễn giảm thuế 02 tháng (tháng 9 và tháng 11/2018) do làm đường giao thông nên HKD Dương Thị Kim L phải ngừng hoạt động sản xuất dăm mảnh để trừ số tiền thuế 198.037.185đ phải nộp trong 02 tháng là không đúng, bởi:

- Chỉ hộ gia đình nào tạm ngừng kinh doanh, không phát sinh doanh thu mới được miễn giảm thuế. Bà L không thuộc trường hợp này.

- Cách tính số thuế đã trốn theo công thức:

Số thuế GTGT phải nộp = Doanh thu tính thuế GTGT x Tỷ lệ thuế GTGT 5%.

Số thuế TNCN phải nộp = Doanh thu tính thuế TNCN x Tỷ lệ thuế TNCN 5%.

Chứ không bằng phương pháp tính thuế trung bình theo tháng để miễn giảm 02 tháng tạm ngừng kinh doanh như Tòa án sơ thẩm đã tính.

Bản án sơ thẩm chỉ buộc bị cáo số tiền trốn thuế là 227.246.385đ là xác định thiếu số thuế đã trốn của 02 tháng và bỏ lọt tội phạm.

Mặt khác, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ và Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ trước khi quyết định đã không có văn bản trao đổi, yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giám định, kết luận về số thuế bị cáo đã trốn là Cục thuế tỉnh Phú Thọ, mà đã tự ý rút truy tố và tính giảm trừ thuế cho bị cáo là không đúng thẩm quyền và vi phạm nghiêm trọng tố tụng.

Do bị cáo Dương Thị Kim L phải chịu trách nhiệm về số thuế đã trốn là 425.283.570 đồng nhưng cấp sơ thẩm chỉ truy tố, xét xử bị cáo số thuế 227.246.385 đồng là xác định số tiền trốn thuế chưa chính xác.

Do không có kháng cáo, kháng nghị theo hướng bất lợi cho bị cáo. Tại cấp phúc thẩm cũng không thể khắc phục được những sai lầm của cấp sơ thẩm. Nên cần hủy toàn bộ bản án sơ thẩm nêu trên để điều tra lại và làm rõ cụ thể chính xác số tiền bị cáo đã trốn thuế và phải có kết luận của cơ quan có thẩm quyền.

Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 358 Bộ luật hình sự chấp nhận kháng cáo của bị cáo Dương Thị Kim L; Hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại.

Người bào chữa cho bị cáo có quan điểm: Nhận định của Tòa án tại Bản án sơ thẩm nêu rõ tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ rút một phần truy tố đối với Dương Thị Kim L. Tuy nhiên, trong quá trình trừ số liệu Tòa án đã có sự nhầm lẫn, bỏ sót khối lượng đảm mảnh tổng số tiền thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân được trừ cho bị cáo Dương Thị Kim L phải là 399.161.740 đồng. Đối trừ với số tiền thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân theo kết quả điều tra, kết luận giám định về thuế của Cục thuế tỉnh Phú Thọ là: 425.283.570đ - 399.161.740đ = 26.121.830đ. Vì vậy số tiền bị cáo Dương Thị Kim L trốn thuế là 26.121.830đ chứ không phải số tiền 227.246.385đ như Bản án sơ thẩm mà Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã tuyên. Do vậy tôi đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại vụ án.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo Dương Thị Kim L đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Thọ, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Kháng cáo của bị cáo Dương Thị Kim L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thế A, chị Nguyễn Mai L trong hạn luật định, đảm bảo về hình thức, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Bà Nguyễn Mai L có kháng cáo, đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, xét nội dung kháng cáo của bà L trùng với nội dung kháng cáo của bị cáo L và anh Thế A, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà L.

[2] Về nội dung:

Tại phiên toà hôm nay, bị cáo Dương Thị Kim L, anh Nguyễn Thế A vẫn giữ nguyên kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại.

Xét kháng cáo của anh Nguyễn Thế A và chị Nguyễn Mai L, Hội đồng xét xử thấy:

Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ lời khai của bị cáo, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, có căn cứ xác định: Trong thời gian từ ngày 01/01/2018 đến hết ngày 31/12/2018, HKD Dương Thị Kim L thực hiện thuế khoán cụ thể. Căn cứ thông tin thể hiện trên tờ khai thuế, Chi cục thuế huyện Thanh B đưa ra dự kiến doanh thu đối với HKD Dương Thị Kim L năm 2018 là 104.004.000đ/năm (8.667.000đ/tháng), mức thuế khoán dự kiến là 390.000đ/tháng (trong đó thuế GTGT là 3% số tiền thuế phải nộp là 260.000đ/tháng, thuế TNCN là 1,5% số thuế phải nộp là 130.000đ/tháng). Từ tháng 4/2018 đến 31/12/2018 HKD Dương Thị Kim L thu mua gỗ nguyên liệu của các cá nhân trên địa bàn huyện Thanh B, tỉnh Phú Thọ không có hóa đơn chứng từ, rồi sản xuất thành hàng dăm mảnh tại xưởng của HKD tại khu 7, xã Năng Y (nay khu Đồng Thọ, xã Quảng Y), huyện Thanh B, tỉnh Phú Thọ và mua dăm mảnh thương mại của các cá nhân khác. Sau đó, Dương Thị Kim L đã bán cho bà Nguyễn Mai L 15.618.392 kg dăm mảnh gỗ, quá trình bán hàng, HKD không ký hợp đồng mua bán hàng hóa, không mở sổ theo dõi mua hàng và theo dõi bán hàng. Bà L đã thanh toán tổng số tiền 15.618392.000đ thông qua anh Nguyễn Thế A là con trai bị cáo L (trong đó thực hiện việc chuyển khoản vào tài khoản của anh Nguyễn Thế A 2.611.400.000đ, số tiền còn lại bà L thanh toán bằng tiền mặt cho anh Nguyễn Thế A nhiều lần khác nhau để Nguyễn Thế A chuyển cho Dương Thị Kim L).

Năm 2019 Dương Thị Kim L điều chỉnh doanh thu ổn định của HKD là 120.000.000đ/năm (10.000.000đ/tháng). Căn cứ thông tin thể hiện trên tờ khai thuế, Chi cục thuế huyện Thanh B đưa ra dự kiến doanh thu đối với HKD Dương Thị Kim L năm 2019 là 120.000.000đ/năm (10.000.000đ/tháng), mức thuế khoán dự kiến là 450.000đ/tháng (trong đó thuế GTGT 3% số tiền thuế phải nộp là 300.000đ/tháng, thuế TNCN 1,5% số tiền thuế phải nộp là 150.000đ/tháng).

Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 HKD Dương Thị Kim L thu mua gỗ nguyên liệu của các cá nhân trên địa bàn huyện Thanh B, tỉnh Phú Thọ không có hóa đơn chứng từ, rồi sản xuất thành hàng dăm mảnh tại xưởng của HKD tại khu 7, xã Năng Y (nay khu Đồng Thọ, xã Quảng Y), huyện Thanh B, tỉnh Phú Thọ và mua dăm mảnh thương mại của các cá nhân khác. Sau đó, Dương Thị Kim L đã bán cho bà Nguyễn Mai L 2.529.846 kg dăm mảnh gỗ, quá trình bán hàng, Hộ kinh doanh không ký hợp đồng mua bán hàng hóa, không mở sổ theo dõi mua hàng và theo dõi bán hàng, Bà L đã thanh toán tổng số tiền 2.529.846.000đồng.

Toàn bộ số tiền có được từ việc bán dăm mảnh gỗ cho bà Nguyễn Mai L trong hai năm nêu trên, L không ghi chép sổ sách kế toán, kê khai không đầy đủ doanh thu và mức thuế khoán trên tờ khai thuế với cơ quan thuế để làm cơ sở xác định đúng số tiền thuế phải nộp.

Căn cứ kết quả điều tra, kết luận giám định về thuế đã tính được số tiền thuế cụ thể như sau: Thuế giá trị gia tăng là: Số dăm mảnh tự sản xuất: $5.303 \text{ tấn} \times 1.000.000\text{đ} \times 3\% = 159.090.000\text{đ}$. Số dăm mảnh kinh doanh thương mại: $12.845,238 \text{ tấn} \times 1.000.000\text{đ} \times 1\% = 128.452.380\text{đ}$.

Thuế thu nhập cá nhân: Số dăm mảnh tự sản xuất: $5.303 \text{ tấn} \times 1.000.000\text{đ} \times 1,5\% = 79.545.000\text{đ}$. Số dăm, mảnh kinh doanh thương mại: $12.845,238 \text{ tấn} \times 1.000.000\text{đ} \times 0,5\% = 64.226.190\text{đ}$.

Tổng số tiền thuế phải nộp: 431.313.570đ.

Số tiền thuế đã nộp: 6.030.000đ.

Số thuế còn phải nộp: 425.283.570đ.

Lẽ ra Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ yêu cầu cơ quan có thẩm quyền là Cục thuế tỉnh Phú Thọ giám định, kết luận về số thuế bị cáo Dương Thị Kim L đã trốn mới đúng quy định của pháp luật, tuy nhiên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tại phiên tòa sơ thẩm đã rút một phần truy tố và Hội đồng xét xử sơ thẩm tự tính giảm trừ thuế cho bị cáo Dương Thị Kim L là không đúng thẩm quyền và vi phạm nghiêm trọng tố tụng. Mặt khác cần phải xem xét lại các khoảng thời gian mà bị cáo được khấu trừ thuế do điều kiện khách quan HKD Dương Thị Kim L không kinh doanh được như dịch Covid 19, làm đường... cũng như xem xét chiếc ô tô tải BKS 19C-106.29 dùng để vận chuyển dăm mảnh từ xưởng sản xuất của HKD Dương Thị Kim L đi bán cho ai, vào

thời điểm nào để từ đó xác định chính xác số lượng hàng hóa mua bán cũng như số tiền Dương Thị Kim L trốn thuế. Do vậy, để đảm bảo việc điều tra, truy tố, xét xử vụ án được khách quan, toàn diện, Hội đồng xét xử thấy cần hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại theo đúng quy định của pháp luật. Do đó, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo Dương Thị Kim L và kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Thế A, bà Nguyễn Mai L cũng như đề nghị của luật sư bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

3. Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Dương Thị Kim L, anh Nguyễn Thế A, bà Nguyễn Mai L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Dương Thị Kim L; Chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thế A và bà Nguyễn Mai L;

Hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2021/HS-ST ngày 28/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ; giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ để điều tra lại.

2. Về án phí: Bị cáo Dương Thị Kim L, anh Nguyễn Thế A, bà Nguyễn Mai L không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Công an tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- Bị cáo (theo đ/c);
- NLQ (theo đ/c);
- NBC (theo đ/c);
- Lưu HS, PHCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Tự Học

